

Nama: _____

1.	hǎi jūn 海 军
2.	tiāo zhàn 挑 战
3.	shuǐ yù 水 域
4.	jiǎn bào 剪 报
5.	dǎ bài hǎi dào 打 败 海 盗
6.	xún luó 巡 逻
7.	bèi gōng jī 被 攻 击
8.	huí jī 回 击
9.	chí yǒu wǔ qì 持 有 武 器
10.	duó qù xìng mìng 夺 去 性 命
11.	cán ào yùn dòng yuán 残 奥 运 动 员
12.	gōng xǐ 恭 喜
13.	duǎn pǎo 短 跑
14.	biǎo shì gǎn xiè 表 示 感 谢
15.	yōu xiù 优 秀